

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 997/2025/DS-PT
Ngày: 26-08-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng ủy quyền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2 xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2025/TLPT-DS ngày 23/6/2025 về “Tranh chấp về hứa thưởng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2025/DS-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 342/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1974; địa chỉ thường trú: thửa đất 1045, tờ bản đồ số 31, tổ D, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Hoài L, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Thôn B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là xã C, tỉnh Gia Lai); địa chỉ liên hệ: Số C, Đường B, Khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/10/2024); có mặt.

- Bị đơn: Ông Chen Mu K, sinh năm 1961; địa chỉ tạm trú: Căn hộ E Khu C, đường L, Khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Công ty TNHH T4) (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Vũ Đ, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Số A Tổ B, Khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/8/2024); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Việt T, sinh năm 1954; địa chỉ thường trú: Số B H, Phường D, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Việt T: Ông Phan Thanh B, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Số C, Đường B, Khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/10/2024); có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH S; địa chỉ trụ sở: Đường N, khu Công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH S: Ông Phan Thanh B, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Số C, Đường B, Khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/10/2024); có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3. Ông Chu Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: X18, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (nay là xã H, tỉnh Nghệ An); có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Chen Mu K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Lê Thị Hoài L trình bày:

Bà Lê Thị M và ông Chen Mu K (ông K là người Đài Loan) có mối quan hệ quen biết nhau từ trước (do chồng bà M cũng là người Đài Loan). Vào đầu tháng 9/2022 sau khi ông Chen Mu K thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp và nhà xưởng của Công ty TNHH S cho ông Lê Việt T với giá 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) thì ông Chen Mu K có nhờ bà M thương lượng với ông Lê Việt T để bán luôn phần hàng tồn kho và một số máy móc thiết bị của Công ty TNHH S với giá tối thiểu 13.000.000.000 đồng và ông Chen Mu K thu về 10.000.000.000 đồng còn bà M được chi phí môi giới 3.000.000.000 đồng. Bà M đã thay mặt ông Chen Mu K chào bán hàng tồn kho và máy móc thiết bị với giá 15.000.000.000 đồng. Sau quá trình đàm phán, ông T đồng ý mua với giá 13.000.000.000 đồng. Sau khi ông T đồng ý mua thì ngày 22/09/2022, bà Lê Thị M và ông Chen Mu K có ký Biên bản thỏa thuận ngày 22/9/2022 với nội dung: “Ông Chen Mu K có ủy quyền cho bà M bán kho hàng tồn kho của ông Chen Mu K cho ông Lê Việt T với giá là 13.000.000.000 đồng và bà M có trách nhiệm đàm phán cho đến khi ông Lê Việt T đồng ý mua, phía ông Chen Mu K thu về 10.000.000.000 đồng, còn lại 3.000.000.000 đồng là phần thù

lao của bà M khi đàm phán xong thỏa thuận này. Phương thức thanh toán giữa ông Chen Mu K và bà M thỏa thuận thực hiện như sau: Ngày 29/09/2022, ông Chen Mu K sẽ trả cho bà M số tiền 1.000.000.000 đồng; vào ngày ông Lê Việt T thanh toán cho ông Chen Mu K số tiền 47.000.000.000 đồng (là số tiền trong tổng số tiền chuyển nhượng vốn góp, bán nhà xưởng với giá 100.000.000.000 đồng và 13.000.000.000 đồng bán hàng tồn kho) thì ông Chen Mu K sẽ trả tiếp cho bà M số tiền 1.500.000.000 đồng; khi nào ông Lê Việt T trả hết số tiền cho ông Chen Mu K 6.000.000.000 đồng thì ông Chen Mu K sẽ thanh toán số tiền còn lại cho bà M là 500.000.000 đồng”. Biên bản thỏa thuận ngày 22/9/2022 được lập tại Công ty TNHH S; địa chỉ: Đường N, khu công Nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Nội dung biên bản là do bà M tự soạn thảo bằng tiếng Việt và ông Chen Mu K đồng ý ký tên. Tuy ông Chen Mu K là người nước ngoài (người Đài Loan) nhưng sinh sống ở Việt Nam nhiều năm nên ông K biết và hiểu tiếng Việt. Ngoài ra, tại thời điểm lập Biên bản thỏa thuận ngày 22/9/2022 thì bên phía ông Chen Mu K cũng có người phiên dịch là ông Đặng Văn N (bà M đã cung cấp họ tên của ông N nhưng bà M không có thông tin địa chỉ của ông N). Sự việc ông Chen Mu K thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp và nhà xưởng của Công ty TNHH S cho ông Lê Việt T với giá 100.000.000.000 đồng và ông Chen Mu K có nhờ bà M thương lượng với ông Lê Việt T để bán luôn phần hàng tồn kho và một số máy móc thiết bị của Công ty TNHH S với giá tối thiểu 13.000.000.000 đồng cho ông Lê Việt T thì ông Phan Thanh B là người biết sự việc này. Ông Phan Thanh B là người soạn thảo Hợp đồng đặt cọc và thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Công ty TNHH S, tổng toàn bộ giá trị chuyển nhượng là 113.000.000.000 đồng.

Bà M đã thực hiện đàm phán và bán được kho hàng tồn cho ông Lê Việt T với giá 13.000.000.000 đồng. Như vậy, theo Biên bản thỏa thuận ngày 22/09/2022 thì bà M đã hoàn thành công việc được giao nên ông Chen Mu K phải có nghĩa vụ trả thù lao cho bà M với số tiền là 3.000.000.000 đồng. Ông Chen Mu K đã thanh toán trước cho bà M số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 27/9/2022 (do ông Chen Mu K nhờ ông Chu Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ X18, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (nay là xã H, tỉnh Nghệ An) chuyển khoản vào tài khoản của bà M). Do nhầm lẫn trong việc đánh máy nên tại đơn khởi kiện bà M ghi là thanh toán (chuyển khoản) số tiền 500.000.000 đồng (499.990.000 đồng) vào ngày 27/07/2022 (đúng là 27/9/2022). Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán ngày 29/09/2022 thì ông Chen Mu K không thực hiện thanh toán tiền thù lao còn lại cho bà M như đã thỏa thuận. Sau đó, ông Lê Việt T đã thanh toán đầy đủ tiền mua bán cho ông Chen Mu K nhưng đến nay ông Chen Mu K vẫn không thực hiện trả cho bà M số tiền thù lao còn lại là 2.500.000.000 đồng. Do đó, bà M khởi kiện ông Chen Mu K yêu cầu Tòa án buộc ông Chen Mu K phải trả cho bà M số tiền thù lao mà ông Chen Mu K chưa thanh toán cho bà M là 2.500.000.000 đồng.

Nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ: Biên bản thỏa thuận ngày 22/9/2022; Hợp đồng vay tiền ngày 29/9/2022; Bản án số 58/2023/DS-ST, ngày 12/7/2023; Bản án số 91/2024/DS-PT, ngày 23/02/2024; Quyết định thi hành án

số 1200/QĐ-CCTHADS, ngày 04/4/2024; Giao dịch chuyển khoản ngày 27/9/2022 (bản photo).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể là yêu cầu ông Chen Mu K phải trả số tiền 2.500.000.000 đồng là khoản tiền mà bà M được nhận thù lao theo Biên bản thỏa thuận ngày 22/9/2022 giữa bà Lê Thị M và ông Chen Mu K.

Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ông Chen Mu K có quen biết với bà Lê Thị M thông qua người bạn của ông Chen Mu K giới thiệu, nhờ vào sự quen biết nên bà M có hỏi mượn tiền của ông Chen Mu K để xoay xở làm ăn. Bà M hỏi mượn ông Chen Mu K số tiền 3.000.000.000 đồng và có ghi vào một cuốn tập học sinh do bà M tự ghi, nhưng ông Chen Mu K không hiểu bà M viết gì vào cuốn tập, bà M nói là xác nhận việc vay mượn nợ nhưng ông Chen Mu K không hiểu toàn bộ nội dung do bà M viết. Ông Chen Mu K chỉ đồng ý cho bà M vay số tiền 2.000.000.000 đồng cho nên ông Chen Mu K cho nhân viên soạn thảo lại hợp đồng vay tiền với giá trị 2.000.000.000 đồng và phiên dịch lại cho ông Chen Mu K. Bà M thỏa thuận 10 ngày sẽ trả tiền cho ông Chen Mu K nhưng bà M không trả đúng như thỏa thuận nên ông Chen Mu K đã khởi kiện và hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên đang thi hành án theo Quyết định số 1200/QĐ-CCTHADS ngày 04/04/2024 nhưng bà M không tự nguyện trả nợ.

Ông Chen Mu K không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà M bởi các lẽ sau:

Thứ nhất, ông Chen Mu K là người nước ngoài có quốc tịch Đài Loan, ông Chen Mu K không biết tiếng Việt cho nên ông Chen Mu K không hiểu bà M viết vào cuốn tập nội dung gì và bà M cung cấp chứng cứ nội dung gì để khởi kiện ông Chen Mu K (nguồn chứng cứ vô hiệu).

Thứ hai, ông Chen Mu K không có giao dịch mua bán gì với bà M, cá nhân ông Chen Mu K không có hàng hoá máy móc gì để giao dịch với bà M. Ông Chen Mu K không hứa thưởng gì đối với bà M, ông Chen Mu K chỉ cho bà M vay tiền nhưng bà M không chịu trả nợ cho ông Chen Mu K.

Thứ ba, đối với cá nhân ông Chen Mu K thì không có tài sản máy móc và kho hàng tồn gì theo nguồn chứng cứ do bà M cung cấp bởi vì quan hệ chủ thể trong giao dịch dân sự cá nhân và pháp nhân là hoàn toàn khác biệt. Vì vậy đối với nguồn chứng cứ bà M cung cấp là hoàn toàn vô hiệu, yêu cầu khởi kiện của bà M là không có căn cứ.

Thứ tư, hiện tại bà M đang là người phải thi hành án, thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Chen Mu K theo Quyết định số 1200/QĐ-CCTHADS ngày 04/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, bà M khởi kiện để nhằm mục đích trốn tránh việc trả nợ cho ông Chen Mu K.

Đối với tài liệu chứng cứ do bà Lê Thị M cung cấp là Biên bản thỏa thuận ủy quyền ngày 22/9/2022 thì ông Chen Mu K xác định không biết, không hiểu gì

về nội dung của biên bản này. Ông Chen Mu K chỉ nhớ là vào thời điểm bà M vay tiền của ông Chen Mu K thì bà M có tự ghi vào một cuốn tập của bà M và nói ông K ký tên, ông K hỏi bà M là ghi nội dung gì thì bà M nói là xác nhận việc bà M mượn tiền của ông K. Ông K chỉ thừa nhận chữ ký tại Biên bản thỏa thuận ủy quyền ngày 22/9/2022 này là của ông K còn nội dung ông K không biết. Đối với số tiền 499.990.000 đồng theo thông tin giao dịch chuyển khoản từ ông Chu Văn H đến tài khoản của bà Lê Thị M vào ngày 27/9/2022 và được bà M trình bày là do ông H chuyển tiền giùm cho ông K đến tài khoản của bà M để thanh toán cho bà M một phần tiền thù lao theo Biên bản thỏa thuận ủy quyền ngày 22/9/2022 thì ông K không đồng ý. Nội dung chuyển khoản chỉ ghi Chu Văn H chuyển khoản, không thể hiện nội dung chuyển khoản để làm gì, ai nhờ chuyển khoản. Thực tế ông K cũng không nhờ ông H chuyển khoản cho bà M số tiền thù lao 500.000.000 đồng (499.990.000 đồng) như bà M trình bày. Ngoài số tiền 2.000.000.000 đồng mà ông K đã nhờ ông H chuyển khoản cho bà M vay và đã được giải quyết tại Bản án số 58/2023/DS-ST ngày 12/7/2023 và Bản án số 91/2024/DS-PT ngày 23/02/2024 thì ông K không nhờ ông H chuyển khoản số tiền nào khác cho bà M.

Việc ông Chu Văn H trình bày ông Chen Mu K có nhờ ông H chuyển cho bà M số tiền 2.500.000.000 đồng, gồm số tiền 499.990.000 đồng và 2.000.000.000 đồng thì ông K không thừa nhận, ông K chỉ nhờ ông H chuyển số tiền 2.000.000.000 đồng cho bà M vay như đã trình bày. Vì vậy, ông Chen Mu K không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng Biên bản thỏa thuận ngày 22/9/2022 giữa bà Lê Thị M và ông Chen Mu K không có giá trị pháp lý, ông Chen Mu K là người nước ngoài, biên bản lập bằng tiếng Việt là thỏa thuận bị vô hiệu.

Bị đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ: Văn bản chấm dứt hợp đồng đặt cọc và bản cam kết ngày 30/9/2022; Quyết định Thi hành án số 1200/QĐ-CCTHADS, ngày 04/4/2024; Hợp đồng thỏa thuận ngày 19/9/2022 (bản photo).

Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn cung cấp Hợp đồng thỏa thuận ngày 19/9/2022 giữa Công ty TNHH S và ông Phan Thanh N1 và trình bày số tiền 499.990.000 đồng mà ông Chu Văn H chuyển khoản cho bà Lê Thị M vào ngày 27/9/2022 là số tiền ông Chen Mu K nhờ ông H chuyển khoản cho bà M để trả phí Luật sư tư vấn cho ông Phan Thanh N1 theo hợp đồng thỏa thuận ngày 19/9/2022 giữa Công ty TNHH S và ông Phan Thanh N1. Hiện nay giữa Công ty TNHH S và ông Phan Thanh N1 không tranh chấp gì liên quan đến Hợp đồng thỏa thuận ngày 19/9/2022 và số tiền 499.990.000 đồng mà ông Chen Mu K nhờ ông H chuyển khoản cho bà M vào ngày 27/9/2022.

Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Việt T và Công ty TNHH S là ông Phan Thanh B trình bày:

Vào đầu tháng 9/2022, ông Lê Việt T và ông Chen Mu K thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp và nhà xưởng của Công ty TNHH S với giá 100.000.000.000 đồng. Trong quá trình thương thảo để ký kết hợp đồng thì bà Lê Thị M đến trao đổi với ông T và ông Phan Thanh B – là luật sư tư vấn cho ông T

trong việc nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp và nhà xưởng của Công ty TNHH S) rằng bà M là bạn của ông Chen Mu K và ông Chen Mu K muốn bán cho ông T toàn bộ hàng tồn kho và máy móc thiết bị luôn với giá 15.000.000.000 đồng. Ông T nói giá 15.000.000.000 đồng cao quá ông T không mua, ai mua thì ông Chen Mu K cứ bán cho người ta. Bà M trả lời về sẽ làm việc lại với ông Chen Mu K và báo lại cho ông T sau. Sau đó khoảng hai ngày bà M liên lạc lại nói với ông T và ông B là ông Chen Mu K đồng ý bán với giá 13.000.000.000 đồng. Để phục vụ cho hoạt động sản xuất của nhà máy nên ông T đồng ý mua. Ngày 13/9/2022, ông T và ông Chen Mu K ký hợp đồng đặt cọc và thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Công ty TNHH S (bao gồm vốn góp, nhà xưởng, máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu, kho hàng tồn...) với giá 113.000.000.000 đồng. Đến khoảng ngày 25/9/2022, bà M có liên hệ với ông T và ông B, đưa cho ông T và ông B biên bản thỏa thuận giữa bà M và ông Chen Mu K trong đó có nêu bà M được hưởng phí thù lao là 3.000.000.000 đồng và bà M yêu cầu ông T khi nào chuyển tiền cho ông Chen Mu K thì chuyển phần tiền mà bà M được hưởng theo thỏa thuận với ông Chen Mu K cho bà M. Ông T và ông B không đồng ý vì ông T không biết thỏa thuận này, ông T không liên quan và chỉ trả tiền cho ông Chen Mu K. Ông T có hỏi ông Chen Mu K có ký thỏa thuận với bà M không thì được ông Chen Mu K xác nhận là có, nhưng không được đưa tiền cho bà M vì bà M còn vay tiền của ông Chen Mu K sau này hai bên sẽ bù trừ.

Sau này, trong quá trình thực hiện hợp đồng với tư cách là Luật sư của ông T, ông B có hỏi ông Chen Mu K bản thỏa thuận với bà M ngày 22/9/2022 hoàn toàn bằng tiếng Việt ông có biết nội dung không mà ký vào thì ông Chen Mu K trả lời là ông ấy có biết và ký để cho xong việc chứ sẽ không có giá trị pháp lý vì ông ấy là người nước ngoài nên phải có song ngữ mới có giá trị. Ông B nói với ông Chen Mu K như thế không được đâu vì biết mà ký là có phát sinh hậu quả pháp lý, bà M có thể kiện ông được, thì ông Chen Mu K nói không sao, sau khi bán xong công ty ông Chen Mu K sẽ đi Thái Lan sinh sống không còn ở Việt Nam nữa nên không lo ngại.

Hiện nay, ông Lê Việt T đã thanh toán đầy đủ số tiền 113.000.000.000 đồng cho ông Chen Mu K. Về việc bà Lê Thị M khởi kiện ông Chen Mu K đòi tiền thù lao theo thỏa thuận nhận thấy có cơ sở để chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao nộp các tài liệu chứng cứ: Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 01/8/2024; Hợp đồng đặt cọc và thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ vốn góp Công ty TNHH S ngày 13/9/2022 (bản photo); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao).

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn H trình bày:

Ông H là người chuyển tiền giúp ông Chen Mu K cho bà Lê Thị M số tiền 2.500.000.000 đồng, bao gồm một lần 499.990.000 đồng và một lần 2.000.000.000 đồng. Ông Chu Văn H không cung cấp tài liệu chứng cứ và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2025/DS-ST ngày 15/4/2025, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M đối với bị đơn ông Chen Mu K về việc “Tranh chấp về hứa thưởng”.

Buộc ông Chen Mu K có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị M số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 23/4/2025 của bị đơn ông Chen Mu K có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2025/DS-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh), đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm cung cấp các tài liệu, chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị đơn ông Chen Mu K là trong thời hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tại cấp phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Việt T và Công ty TNHH S là ông Phan Thanh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn H có đơn đề nghị giải quyết

vắng mặt. Căn cứ theo Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự này.

[1.3] Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị M tranh chấp với ông Chen Mu K đối với số tiền thù lao theo Biên bản thỏa thuận ngày 22/9/2022. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về hứa thưởng”. Tuy nhiên, việc ký kết Biên bản thỏa thuận ủy quyền ngày 22/9/2022 được thực hiện giữa ông Chen Mu K với bà Lê Thị M để ông Chen Mu K ủy quyền bà M thực hiện việc bán kho hàng tồn cho ông Lê Việt T. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền” theo Điều 562 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về thỏa thuận thanh toán thù lao giữa nguyên đơn với bị đơn:

[2.1.1] Tại Biên bản thỏa thuận ủy quyền ngày 22/9/2022 thể hiện nội dung: *“Bên A: Ông Chen Mu K sinh năm 1961 hộ chiếu số 353090179 có ủy quyền cho bà Lê Thị Minh B1 hàng tồn kho cho ông Lê Việt T với giá 13 tỷ. Bà Lê Thị M phụ trách đàm phán, cho đến khi ông Lê Việt T đồng ý mua và có biên bản thỏa thuận, bên ông Chen Mu K thu về 10 tỷ, còn 3 tỷ là phần thù lao của bà M. Phương thức thanh toán của ông Chen Mu K phải trả cho bà M 1 tỷ vào ngày 29/9. Trả cho bà Lê Thị M, vào ngày A T1 trả 47 tỷ ông Chen Mu K trả cho bà Lê Thị M 1 tỷ 500 TR, khi nào ông T1 trả hết số tiền cho ông C ...6 tỷ thì trả cho bà M 500 TR”*. Tại Biên bản này có chữ ký họ tên của bà Lê Thị M và chữ ký của ông Chen Mu K.

Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của ông Chen Mu K thừa nhận chữ ký tại Biên bản thỏa thuận ủy quyền ngày 22/9/2022 là của ông Chen Mu K. Tuy nhiên, ông Chen Mu K cho rằng khi ký Biên bản thỏa thuận ủy quyền ngày 22/9/2022 ông Chen Mu K không biết tiếng Việt, không biết nội dung và nghĩ đây là số tiền nhỏ, không để ý và tin tưởng bà M nên ông Chen Mu K ký tên. Xét thấy, ông Chen Mu K là người nước ngoài có quốc tịch Đài Loan và sử dụng tiếng Trung để giao tiếp.

[2.1.2] Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, Hợp đồng đặt cọc và thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ vốn góp Công ty TNHH S ngày 13/9/2022 giữa T5, Ltd. với ông Lê Việt T, Hợp đồng thỏa thuận ngày 19/9/2022 giữa ông Chen Mu K với ông Phan Thanh N1, Văn bản chấm dứt hợp đồng và bản cam kết ngày 30/9/2022 giữa Taiwan S, L1 với ông Lê Việt T, Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 01/8/2024 giữa Taiwan S, L1 với ông Lê Việt T, đều được lập song ngữ V – T2 hoặc có người phiên dịch ký xác nhận đã dịch cho ông Chen Mu K nghe, hiểu và đồng ý với nội dung. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng *“Ông Chen Mu K là người đại diện theo pháp luật của một doanh nghiệp, tuy là người nước ngoài nhưng sinh sống ở Việt Nam nhiều năm (Công ty TNHH S được thành lập từ năm 2005 và ông Chen Mu K là người đại diện theo pháp luật), ông Chen Mu K không thể nào ký tên vào một văn bản mà ông không hiểu nội dung”* là chưa chính xác.

[2.1.3] Bên cạnh đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào lời khai của ông Phan Thanh B là người đại diện hợp pháp của ông Lê Việt T và Công ty TNHH S về việc trao đổi với ông Chen Mu K Biên bản thỏa thuận ủy quyền ngày 22/9/2022 và ông Chen Mu K trả lời là ông có biết nội dung tiếng Việt và ký để cho xong việc là chưa phù hợp. Bởi lẽ, đây chỉ là lời trình bày đơn phương từ phía ông B và không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông Chen Mu K đã trình bày nội dung như vậy. Lời trình bày của ông B còn mâu thuẫn với các tài liệu, chứng cứ đã được phân tích tại mục [2.1.2] nêu trên.

[2.1.4] Căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015, một trong những điều kiện để giao dịch dân sự có hiệu lực là “*Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện*”. Ông Chen Mu K là người nước ngoài, các tài liệu, chứng cứ do ông K ký đều có người phiên dịch hoặc được dịch ra tiếng Trung. Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông Chen Mu K có thể hiểu được nội dung được ghi tay bằng tiếng Việt trong Biên bản thỏa thuận ủy quyền ngày 22/9/2022. Do Biên bản thỏa thuận ủy quyền ngày 22/9/2022 không đáp ứng được các điều kiện để có hiệu lực nên căn cứ theo Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thỏa thuận này giữa ông Chen Mu K với bà Lê Thị M bị vô hiệu.

[2.2] Căn cứ theo Điều 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015, giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

[2.2.1] Khi Biên bản thỏa thuận ủy quyền ngày 22/9/2022 bị vô hiệu, ông Chen Mu K không có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị M số tiền 3.000.000.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận ủy quyền ngày 22/9/2022.

[2.2.2] Về số tiền 500.000.000 đồng được ông Chu Văn H chuyển khoản vào tài khoản của bà Lê Thị M. Tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng đây là số tiền mà ông H chuyển giùm cho ông Chen Mu K để thanh toán một phần trong tổng số tiền thù lao 3.000.000.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận ủy quyền ngày 22/9/2022. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng đây là số tiền 500.000.000 đồng là tiền thanh toán phí luật sư cho ông Phan Thanh N1, được ông Chen Mu K nhờ ông Chu Văn H chuyển cho bà Lê Thị M để bà M chuyển cho ông N1. Tại Biên bản làm việc ngày 04/4/2024 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Thanh N1 trình bày ông không có tranh chấp gì đối với số tiền 2.500.000.000 đồng mà bà M khởi kiện ông Chen Mu K. Hợp đồng thỏa thuận ngày 19/9/2022 giữa ông Phan Thanh N1 với Công ty TNHH S thì hiện nay ông cũng không có tranh chấp gì. Đối với số tiền 500.000.000 đồng mà ông K đã nhờ ông H chuyển khoản cho bà M để trả phí luật sư cho ông N1 theo Hợp đồng thỏa thuận ngày 19/9/2022 thì ông N1 không tranh chấp trong vụ án này. Nếu có tranh chấp thì ông sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải buộc bà M trả lại số tiền 500.000.000 đồng cho ông Chen Mu K. Nếu các bên có tranh chấp về số tiền 500.000.000 đồng này thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn ông Chen Mu K là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và áp dụng quy định của pháp luật chưa phù hợp. Tòa án cấp phúc thẩm quyết định sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là chưa phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Chen Mu K được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 562, 566 và 567 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Chen Mu K.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2025/DS-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh) như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M đối với bị đơn ông Chen Mu K về việc buộc ông Chen Mu K trả cho bà Lê Thị M số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.2.1. Bị đơn ông Chen Mu K được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.2.2. Nguyên đơn bà Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 82.000.000 đồng (Tám mươi hai triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền 41.000.000 đồng (Bốn mươi một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004552 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh), còn phải nộp số tiền 41.000.000 đồng (Bốn mươi một triệu đồng).

3. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Chen Mu K được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND khu vực A – TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực A – TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (14).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Dũng